TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST Ngày 01-7-2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan;

Bà Trịnh Thị Sớm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 432/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 523/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Minh N, địa chỉ: Tổ A, khu Đ, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng, hiện trú tại: Số A, Khu D, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn H, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2021 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Lê Thị Minh N trình bày:

Chị xây dựng hạnh phúc với anh Bùi Văn H do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng một thời gian ngắn sau đó chuyển về sinh sống tại Số A, Khu D, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời, không tu chí làm ăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, không khí gia đình căng thẳng, ngột ngạt. Đến đầu năm 2021 anh H bỏ về ở với mẹ đẻ ở thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, hai bên không quan tâm đến nhau. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh H, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn H. Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Bùi Khánh L, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020. Ly hôn, chị Minh N đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến tòa án để giải quyết việc chị Lê Thị Minh N xin ly hôn và nuôi con nên không có lời khai của anh Bùi Văn H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Lê Thị Minh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn H không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Lê Thị Minh N được ly hôn anh Bùi Văn H; về con chung: Giao con Bùi Khánh L, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020 cho chị Lê Thị Minh N nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị Minh N không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Lê Thị Minh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Minh N có đơn khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Bùi Văn H. Anh H có nơi cư trú tại thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Minh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Minh N và anh Bùi Văn H.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Minh N và anh Bùi Văn H xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng một thời gian ngắn sau đó chuyển về sinh sống tại Số A, Khu D, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời, không tu chí làm ăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, không khí gia đình căng thẳng, ngột ngạt. Đến đầu năm 2021 anh H bỏ về ở với mẹ đẻ ở thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, hai bên không quan tâm đến nhau. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Minh N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Minh N xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Minh N và anh H có 01 con chung là Bùi Khánh L, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020. Chị Minh N có nguyện vọng nuôi con và đến thời điểm xét xử cháu Linh chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con Bùi Khánh L cho chị Lê Thị Minh N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Minh N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Văn H.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Minh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Lê Thị Minh N được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao con Bùi Khánh L, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020 cho chị Lê Thị Minh N nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Văn H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Minh N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Minh N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001163 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị Minh N đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lê Thị Minh N và anh Bùi Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh